

Bản án số: **865/2019/DS-PT**
Ngày: 02/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Liên;

Bà Bùi Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Trọng Long
– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/9/2019, ngày 25/9/2019 và ngày 02/10/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 341/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 262/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3682/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 7133/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Tường V** – sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 10/6 ấp 6, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 25/1 ấp 3, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thế L – sinh năm 1986 (có mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 000525 ngày 11/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 301 – tầng 3, Tòa nhà WMC 102 A-B-C C, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn O** – sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25/1 ấp 3, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Tường V trình bày:***

Do có quan hệ làm ăn quen biết với nhau nên bà đã nhiều lần cho vợ chồng bà H vay tiền, cụ thể:

- Ngày 02/4/2014 bà cho vợ chồng bà H vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận.

- Ngày 20/01/2015 bà cho vợ chồng bà H vay 400.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận.

- Ngày 10/02/2015 bà cho vợ chồng bà H vay 330.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận.

- Ngày 04/4/2015 bà cho vợ chồng bà H vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

- Ngày 30/5/2015 bà cho vợ chồng bà H vay 110.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Tổng số tiền bà đã cho vợ chồng bà H vay là 1.340.000.000 đồng. Mặc dù bà H đứng tên vay tiền nhưng tất cả những lần vay tiền này, chồng bà H là ông Phạm Văn O đều biết và cũng hứa sẽ thanh toán nợ cho bà nhưng hết thời hạn như đã cam kết mà vợ chồng bà H, ông O vẫn không trả nợ. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông O thanh toán hết số tiền gốc đã vay là 1.340.000.000 đồng cùng với tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật với lãi suất là 0.85%/tháng. Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2018 bà có yêu cầu vợ chồng bà H tiếp tục thực hiện nội dung trong giấy đặt cọc ngày 20/01/2015 đã ký. Nay bà xin rút lại đối với yêu cầu khởi kiện này, chỉ yêu cầu vợ chồng bà H, ông O thanh toán số tiền nợ đã vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà V thay đổi yêu cầu tính lãi chậm trả với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng đối với số tiền gốc đã vay là 1.340.000.000 đồng. Cụ thể:

- Đối với giấy vay tiền ngày 02/4/2014 thì tiền lãi chậm trả là: 86.550.000 đồng

- Đối với Giấy vay tiền ngày 20/01/2015 thì tiền lãi chậm trả là: 144.300.000 đồng.

- Đối với Giấy vay tiền ngày 10/02/2015 thì tiền lãi chậm trả là 117.397.500 đồng.

- Đối với giấy vay tiền ngày 04/4/2015 thì tiền lãi chậm trả là 109.425.000 đồng

- Đối với Giấy vay tiền ngày 30/5/2015 thì tiền lãi chậm trả là: 37.757.500 đồng.

Tổng tiền lãi do chậm trả tiền là 495.430.000 đồng.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Thế L trình bày:***

Bà H thừa nhận đã nhiều lần vay tiền của bà V, cụ thể:

- Ngày 20/01/2015 bà V cho bà H vay 400.000.000 đồng, thời hạn 04 tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận.

- Ngày 10/02/2015 bà V cho bà H vay 330.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận.

- Ngày 04/4/2015 bà V cho bà H vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận.

- Ngày 30/5/2015 bà V cho bà H vay 110.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận.

Tổng số tiền bà V cho bà H vay là 1.140.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 02/4/2014 thì bà H không nhớ có nhận tiền hay chưa nên xin Tòa án cho thời gian để bà H nhớ và cung cấp chứng cứ.

Hiện bà H không có khả năng thanh toán tiền gốc và lãi, đề nghị giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Đối với tiền lãi thì bà H đề nghị Tòa án xem xét giảm bớt một phần lãi cho bà H vì hoàn cảnh gia đình bà H cũng đang khó khăn. Về việc bà V rút lại yêu cầu đối hợp đồng đặt cọc ngày 20/01/2015 thì bà H không có ý kiến gì.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 262/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp, Bộ Tài Chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tường V.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn O có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Thị Tường V số tiền 1.835.430.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.340.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 495.430.000 đồng theo các hợp đồng vay tiền ký ngày 02/4/2014, ngày 20/01/2015, ngày 10/02/2015 tại văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, giấy mượn tiền ký ngày 04/4/2015 và ngày 30/5/2015, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thị Tường V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn O chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà H,

ông O còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ yêu cầu “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” của bà Võ Thị Tường V. Bà Võ Thị Tường V được quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định của pháp luật.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn O là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Tường V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004079 ngày 22/10/2018 và 19.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000080 ngày 22/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo đề ngày 28/5/2019, nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn là người kháng cáo bà Nguyễn Thị H do người đại diện theo ủy quyền ông Dương Thế L trình bày: bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, cụ thể:

Không công nhận Hợp đồng vay 200.000.000 đồng ngày 02/4/2014: bị đơn thừa nhận có ra Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa ký hợp đồng vay nhưng do thời điểm đó bận việc gấp phải đi nên chưa nhận tiền vay.

Không công nhận Giấy vay tay 300.000.000 đồng ngày 04/4/2015: không đúng tháng so với giấy tay bị đơn đang lưu giữ ngày 04/01/2015, thực tế giấy này bà H và bà V thống nhất ra Văn phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa ký lại hợp đồng mới ngày 10/02/2015 với số tiền 330.000.000 đồng.

Không công nhận số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 495.430.000 đồng.

Yêu cầu bà Võ Thị Tường V trả lại 02 thửa đất: Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 349m² đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 525862, số vào sổ CH 00552 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 09/12/2014; Thửa đất số 462, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 3.071m² đất trồng cây hàng năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 525863

do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 09/12/2014. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận tại Tòa cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Tòa cấp sơ thẩm không có xem xét giải quyết trong vụ án, nay tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn rút lại yêu cầu kháng cáo này.

- Nguyên đơn bà Võ Thị Tường V trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà V, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà V, y án sơ thẩm. Bà V tự nguyện bớt tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 200.000.000 đồng, số tiền lãi bà H phải trả bà V là 295.430.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn O vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không rõ lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông O.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo không công nhận Hợp đồng vay 200.000.000 đồng ngày 02/4/2014 và Giấy vay tay 300.000.000 đồng ngày 04/4/2015.

[3.1.1] Tại Bản tự khai ngày 16/01/2019 (BL 68), ông L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H xác nhận: “Bà H thừa nhận có lập Hợp đồng vay ngày 20/01/2015, 02/4/2014, ngày 10/02/2015 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa. Riêng hai hợp đồng giấy tay ngày 04/4/2015 và ngày 30/5/2015 bà H không nhớ rõ...”. Các Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/01/2019 (BL 70-71), ông L trình bày: “Bà H thừa nhận có vay bà V số tiền theo các hợp đồng vay tiền ngày 02/4/2015...” và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 16/01/2019 (BL 72-73), ông L trình bày: “Bà H thừa nhận có vay tiền của bà V, cụ thể: ngày 02/4/2014...còn giấy vay tiền ngày 04/4/2015 và ngày 30/5/2015 thì bà H không nhớ rõ...”. Tuy nhiên, tại Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/3/2019 (BL 74-75), ông L trình bày: “Bà H thừa nhận có vay của bà V số tiền theo các hợp đồng vay tiền ngày 10/02/2015, ngày 20/01/2015, ngày 04/4/2015...” và Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày

25/3/2019 (BL 72-73), ông L trình bày: “Bà H thừa nhận có vay tiền của bà V, cụ thể... ngày 04/4/2015... còn đối với hợp đồng vay tiền ngày 02/4/2014 thì bà H không nhớ có nhận tiền hay không...”. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cho rằng vì không hỏi được bà H nên không biết rõ sự việc. Xét thấy có sự mâu thuẫn trong lời khai của ông L, vì Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý vụ án trên vào ngày 23/10/2018, từ giai đoạn hòa giải và chuẩn bị xét xử đến giai đoạn xét xử ngày 24/5/2019, bà H có đơn kháng cáo ngày 28/5/2019, thì ông L và bà H không thể không có sự trao đổi với nhau để thực hiện công việc theo nội dung Giấy ủy quyền đã ký.

[3.1.2] Ngoài ra, xét Hợp đồng vay tiền số 003323 ngày 02/4/2014 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa (BL 57-58) và Giấy vay tiền ngày 04/4/2015 (BL 52), cả hai văn bản trên có chữ ký xác nhận của bà H. Việc bà H cho rằng không nhớ có nhận tiền hay chưa hay sai ngày tháng nhưng lại không cung cấp được chứng cứ gì cũng không yêu cầu đối chất hay giám định chữ ký đã chứng tỏ những nội dung trong hai văn bản trên là có thật. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của bị đơn sau khi cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và không cung cấp thêm bất kỳ chứng cứ gì. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”, hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo không công nhận số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 495.430.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/10/2019 bà V tự nguyện bớt tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 200.000.000 đồng, số tiền lãi bà H phải trả bà V là 295.430.000 đồng, lý do là vì bà H chỉ nhận được tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay tiền, còn tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là do bà V tự nguyện bớt. Về yêu cầu bà Võ Thị Tường V trả lại 02 thửa đất, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút lại hai yêu cầu này. Căn cứ Điều 289, Điều 293, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[3.3] Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Xét thấy, bà H đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, mặc dù đã được bà V thông báo và khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn về yêu cầu trả nợ nhưng bà H không trả số tiền đã vay cho bà V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà V yêu cầu bà H phải trả số nợ tiền gốc và lãi theo các hợp đồng vay tiền, giấy vay tiền đã ký với tổng số tiền là 1.635.430.000 đồng (trong đó nợ gốc là 1.340.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền là 295.430.000

đồng) ngay khi có bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp thuận.

[3.4] Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 262/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà H (sinh năm 1954) theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi 2009: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên” và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H là đối tượng được miễn nộp án phí.

[3.6] Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 289, Điều 293, Điều 296, Điều 312, Khoản 2 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 262/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Tường V:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn O có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Thị Tường V số tiền 1.635.430.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.340.000.0000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 295.430.000 đồng theo các hợp đồng vay tiền ký ngày 02/4/2014, ngày 20/01/2015, ngày 10/02/2015 tại văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, giấy mượn tiền ký ngày 04/4/2015 và ngày 30/5/2015, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thị Tường V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn O chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà H, ông O còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” của bà Võ Thị Tường V. Bà Võ Thị Tường V được quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu bà Võ Thị Tường V trả lại 02 thửa đất: Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 349m² đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 525862, số vào sổ CH 00552 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 09/12/2014; Thửa đất số 462, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 3.071m² đất trồng cây hằng năm, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 525863 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 09/12/2014.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Tường V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004079 ngày 22/10/2018 và 19.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000080 ngày 22/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

5. ~~Đ~~phs dh sự phc thm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

6. Tr□□ng h□p b□n g □□c thi hnh theo quy □nh t□i □i□u 2 Lu□t Thi hnh g dh s□ thn g□□i □□c thi hnh g dh s□, ng□□i ph□i thi hnh g dh s□ cyquy□n th□a thu□n thi hnh g, quy□n yp c□u thi hnh g dh s□, t□ nguy□n thi hnh g ho□c b□ c□□ng ch□ thi hnh g theo quy □nh t□i cg □i□u 6,7 vf9 Lu□t Thi hnh g dh s□; th□i hi□u thi hnh g □□c th□c hi□n theo quy □nh t□i □i□u 30 Lu□t Thi hnh g dh s□.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* *Nơi nhận:*

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VP, HS.

Trương Văn Hiền